TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NAM
TỈNH BẮC GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 71/2024/DS-ST
Ngày 26/9/2024
V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NAM, TỈNH BẮC GIANG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán -Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Oanh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Hữu Thái

2. Ông Nguyễn Xuân Chung

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Dũng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quỳnh - Kiểm sát viên.

Ngày 26/9/2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số: 90/2024/TLST-DS ngày 27 tháng 6 năm 2024 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 82/2024/QĐXXST-DS ngày 26/8/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 93/2024/QĐST-DS ngày 12/9/2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1975; địa chỉ: Thôn T, xã N, huyện L, tỉnh Bắc Giang (có mặt).

2. Bị đơn: Bà Lê Thị H, sinh năm 1972; địa chỉ: Thôn H, xã N, huyện L, tỉnh Bắc Giang (vắng mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Duy V, sinh năm 1963; địa chỉ: Thôn H, xã N, huyện L, tỉnh Bắc Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện và các lời khai có trong hồ sơ, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị B trình bày:*

Ngày 11/11/2021 dương lịch, bà có cho bà H vay số tiền gốc là 150.000.000 đồng. Khi hỏi vay số tiền này thì bà H không nói là vay để làm gì nhưng theo bà được biết thì bà H vay tiền của bà để lo chi phí cho con gái đi xuất khẩu lao động ở nước ngoài. Bà đồng ý cho bà H vay số tiền 150.000.000 đồng, khi vay bà H vay tiền của bà

thì giữa chúng bà có lập biên bản viết tay là "Giấy vay tiền" và bà H ký nhận bên mục người vay. Hai bên thỏa thuận thời hạn vay là 5 tháng và lãi suất cho vay là 1,5%/1 tháng.

Khi bà H vay bà số tiền này thì chỉ có một mình bà H đến nhà bà vay tiền, không có mặt chồng bà H là anh V. Khi bà cho bà H vay số tiền 150.000.000 đồng này cũng không liên quan đến chồng bà vì vợ chồng đã ly hôn từ 4 năm nay, trước thời điểm bà cho bà H vay số tiền này.

Vì vậy, bà xác định số tiền 150.000.000 đồng chỉ có bà và bà H, đây là tiền riêng của bà, không liên quan đến chồng cũ của bà và cũng không liên quan đến chồng bà H. Nên bà đề nghị Tòa án không đưa chồng bà và chồng bà H vào người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

Sau thời hạn đã thỏa thuận thì hàng tháng bà H có trả được cho bà số tiền lãi là 2.250.000 đồng/tháng, tổng cộng bà H đã trả cho bà tiền lãi từ tháng 12/2021 đến tháng 02/2023 là 15 tháng. Tổng số tiền lãi bà H đã trả cho bà là 33.750.000 đồng. Từ tháng 03/2023 đến nay bà H chưa trả cho bà được tiền lãi. Từ khi bà H không trả được tiền lãi cho bà thì bà đã yêu cầu bà H phải trả tiền gốc cho bà nhưng bà H đã khất lần và không trả cho bà.

Nay, bà đề nghị Tòa án giải quyết buộc một mình bà Lê Thị H phải trả cho một mình bà số tiền nợ gốc là 150.000.000 đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật kể từ tháng 3 năm 2023 đến khi Tòa án giải quyết xong vụ án. Số tiền lãi suất bà H đã trả cho bà là 33.750.000 đồng bà đồng ý trừ vào tổng số tiền lãi mà bà H phải trả cho bà.

Ngoài ra, bà Nguyễn Thị B không có yêu cầu nào khác.

** Tại biên bản lấy lời khai, bị đơn là bà Lê Thị H trình bày:*

Ngày 11/11/2021, bà có vay của bà Nguyễn Thị B số tiền 150.000.000 đồng và lãi suất là 1,5%/tháng, hai bên thỏa thuận thời hạn vay là 5 tháng. Trong thời gian vay, bà vẫn trả lãi đều đặn cho bà B, tuy nhiên tổng số tiền lãi bà đã trả cho bà B là bao nhiêu thì bà không nhớ. Bà B có yêu cầu bà trả nhiều lần nhưng do kinh tế khó khăn nên bà không đủ khả năng trả cho bà B nữa. Bà B có trình bày là bà đã trả được cho bà B tổng số tiền lãi là 33.750.000 đồng thì bà đồng ý.

Số tiền này bà vay để cho con bà đi nước ngoài xuất khẩu lao động, số tiền này bà vay thì chồng bà là ông Nguyễn Duy V không biết. Số tiền này bà vay của bà B thì bà sẽ có trách nhiệm trả. Tuy nhiên hiện tại bà chưa có tiền, bà sẽ thu xếp để trả tiền gốc và lãi cho bà B sau. Bà xác định số tiền bà vay của bà B là do một mình và đứng ra vay, không liên quan đến chồng bà là ông V nên bà sẽ có trách nhiệm một mình trả số tiền này cho bà B.

Ngoài ra, bà Lê Thị H không có ý kiến nào khác.

** Tại biên bản lấy lời khai, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Duy V trình bày:*

Ông không biết việc bà H vay tiền của bà B, số tiền cụ thể bao nhiêu hay vay khi nào thì ông không nắm rõ do bà H không nói gì với ông. Tuy nhiên, thường xuyên có người vào nhà ông để đòi tiền, thu tiền lãi nhưng ông không biết tên là gì, ông cũng không biết người phụ nữ vào nhà ông lấy tiền lãi có phải là bà B hay không.

Hiện nay, bà B khởi kiện yêu cầu bà H trả tiền thì ông sẽ bảo bà H thu xếp để trả tiền, hiện tại nhà ông đang khó khăn không có điều kiện kinh tế để trả. Do không biết bà H vay số tiền trên nên ông không liên quan, bà H phải có trách nhiệm trả nợ theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, ông Nguyễn Duy V không có ý kiến nào khác.

- Ngày 02 tháng 8 năm 2024, Tòa án tiến hành mở phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bà Lê Thị H1 và ông Nguyễn Duy V vắng mặt nên các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

- Ngày 24 tháng 8 năm 2024, Tòa án tiến hành mở phiên hòa giải nhưng bà Lê Thị H1 và ông Nguyễn Duy V vắng mặt nên các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

- Ngày 12 tháng 9 năm 2024, Tòa án nhân dân huyện Lục Nam mở phiên tòa, bà Lê Thị H và ông Nguyễn Duy V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam đề nghị hoãn phiên tòa nên Hội đồng xét xử hoãn phiên tòa.

Tại phiên tòa hôm nay các đương sự trình bày như sau:

Bà Nguyễn Thị B trình bày: Tại phiên tòa ngày hôm nay bà giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về việc đề nghị HĐXX giải quyết buộc một mình bà H phải trả cho bà số tiền nợ gốc là 150.000.000 đồng và lãi suất theo thỏa thuận của hai bên là 1.5%/ tháng kể từ ngày 01/4/2023 đến khi thanh toán xong toàn bộ nợ gốc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên toà hôm nay Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; nguyên đơn có mặt, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, nên đề nghị HĐXX xét xử vụ án theo thủ tục chung.

+ Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, 39, 147, 227, 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự và các Điều 385, 463, khoản 1, 5 Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự; để:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị B, buộc bà Lê Thị H phải trả cho bà Nguyễn Thị B số tiền nợ gốc là 150.000.000 đồng và số tiền nợ lãi là 40.125.000 đồng.

Về án phí: Căn cứ khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án để: Bà Lê Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, sau nghe khi ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn là bà Nguyễn Thị B có mặt, bị đơn là bà Lê Thị H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Duy V đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng đều vắng mặt tại phiên tòa không có lý do; căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Lê Thị H có địa chỉ cư trú tại xã N, huyện L, tỉnh Bắc Giang nên căn cứ vào Điều 26, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

[3] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Theo các tài liệu có trong hồ sơ thể hiện, ngày 11/11/2021, bà Nguyễn Thị B cho bà Lê Thị H vay số tiền nợ gốc là 150.000.000 đồng, khi vay có lập biên bản, hai bên thỏa thuận thời hạn trả là 05 tháng và lãi suất là 1,5%/tháng.

Vì vậy, tranh chấp trong vụ án này là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự.

[4] Về nội dung:

Ngày 11/11/2021, bà Nguyễn Thị B cho bà Lê Thị H vay số tiền nợ gốc là 150.000.000 đồng, khi vay có lập biên bản, hai bên thỏa thuận thời hạn trả là 05 tháng và lãi suất là 1,5%/tháng. Theo như thỏa thuận thì bà B đã đòi nhiều lần nhưng chị H không trả tiền cho bà B.

Nay, bà B đề nghị Tòa án giải quyết buộc bà H phải trả cho bà B tổng số tiền nợ gốc là 150.000.000 đồng. Bà B xác định số tiền này là của một mình bà cho một mình bà H vay, không liên quan đến chồng bà H.

[4.1] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị B về việc buộc bà Lê Thị H phải trả cho bà B số tiền nợ gốc là 150.000.000 đồng thì thấy:

- Bà H thừa nhận có vay của bà B số tiền nợ gốc là 150.000.000 đồng, số tiền này một mình bà đứng ra vay, không liên quan đến chồng bà là ông Nguyễn Duy V. Bà đồng ý sẽ có trách nhiệm thu xếp trả cho bà B số tiền nợ gốc 150.000.000 đồng.

- Ông V trình bày là ông không biết việc vợ ông là bà H có vay của bà B số tiền 150.000.000 đồng, bà H cũng không nói chuyện với ông về việc bà H có vay tiền của bà B, ông xác định việc bà H vay tiền của bà B không liên quan đến ông.

Từ những nhận định nêu trên, HĐXX có căn cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị B, buộc bà Lê Thị H phải trả cho bà Nguyễn Thị B tổng số tiền nợ gốc là 150.000.000 đồng là phù hợp với Điều 463 Bộ luật dân sự.

[4.2] Xét yêu cầu của bà Nguyễn Thị B về việc buộc bà Lê Thị H phải trả cho bà B số tiền nợ lãi là 1,5%/tháng kể từ tháng 01/4/2023 thì thấy:

Khi vay, hai bên có lập biên bản và thỏa thuận lãi suất là 1,5%/tháng. Bà B xác định bà H đã thanh toán cho bà B được tổng cộng là 15 tháng tiền lãi kể từ tháng 12/2021 đến hết tháng 3/2023 với tổng số tiền là 33.750.000 đồng. Bà đề nghị Tòa án giải quyết buộc bà H phải tiếp tục trả cho bà tiền lãi từ ngày 01/4/2023 cho đến khi bà H thanh toán xong toàn bộ số tiền nợ gốc.

Bà H xác định khi vay hai bên có thỏa thuận lãi suất là 1,5%/tháng, bà đồng ý về việc bà đã thanh toán lãi suất cho bà B đến tháng 3/2023 với tổng số tiền là 33.750.000 đồng. Bà đồng ý tiếp tục thanh toán lãi suất theo yêu cầu của bà B.

Việc bà B và bà H thỏa thuận với nhau về mức lãi suất là 1,5%/tháng là hoàn toàn tự nguyện, không ai bị ép buộc và phù hợp với pháp luật nên cần chấp nhận. Theo đó, số tiền lãi suất bà H phải thanh toán cho bà B như sau:

Từ ngày 01/4/2013 đến ngày 26/9/2024 (17 tháng 25 ngày) đối với mức lãi suất 1,5%/tháng của số tiền nợ gốc là 150.000.000 đồng, thì số tiền nợ lãi là: (150.000.000 đồng x 2.250.000 đồng x 17 tháng) + (150.000.000 đồng x 75.000 đồng x 25 ngày) = 40.125.000 đồng.

Từ những phân tích nêu trên, HĐXX có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị B, buộc bà Lê Thị H phải trả cho bà B tổng số tiền lãi suất tính đến ngày xét xử (26/9/2024) là 40.125.000 đồng.

[5] Như vậy, tổng số tiền nợ gốc và lãi bà Lê Thị H phải trả bà Nguyễn Thị B là 150.000.000 đồng + 40.125.000 đồng = 190.125.000 đồng.

[6] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án thì thấy:

Do yêu cầu của bà Nguyễn Thị B được chấp nhận, nên bà Lê Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 9.506.000 đồng. Trả lại tiền tạm ứng án phí cho bà Nguyễn Thị B.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Điều 385, điều 463, khoản 1 Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự; khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 150, Điều 227, Điều 228; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H2, buộc bà Lê Thị H phải có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị B tổng số tiền là 190.125.000 đồng (Trong đó: nợ gốc là 150.000.000 đồng và tổng số tiền nợ lãi là 40.125.000 đồng).

2. Về án phí: Bà Lê Thị H phải chịu 9.506.000 đồng đồng án phí dân sự sơ thẩm. Trả cho bà Nguyễn Thị B số tiền 4.650.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0008295 ngày 27/6/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

5. Hướng dẫn thi hành án: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND huyện Lục Nam;
- VKSND huyện Lục Nam;
- Chi cục THADS huyện Lục Nam;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, Vp.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Nguyễn Ngọc O